

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BG
TỈNH BG**

Bản án số: 96/2021/HSST
Ngày 02 tháng 7 năm 2021

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BG

Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị H

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vượng

Ông Vũ Ngọc Hân

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Thảo – Thư ký Toà án nhân dân thành phố BG, tỉnh BG.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG tham gia phiên toà:
Ông Phạm Công Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố BG, tỉnh BG xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 97/2021/HSST ngày 02 tháng 6 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2021/QĐST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Thị Minh O**, Sinh năm: 1993. Tên gọi khác: Không.

ĐKHKT và nơi ở hiện nay: Số nhà 49, đường Võ Thị Sáu, phường Tân Lập, thành phố BMT, tỉnh ĐL

Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: Nguyễn Văn L, sinh năm: 1963; Con bà: Lê Như T, sinh năm: 1965; Anh, chị em ruột: có 4, bị cáo là con thứ 2. Chồng Nguyễn Hữu H - sinh năm: 1988. Bị cáo có 01 con sinh năm 2016.

Tiền án: không

Tiền sự: Ngày 08/7/2020 đồn biên phòng Phú Hữu, ấp Phú Thành, xã Phú Hữu, huyện An Phú, tỉnh An Giang xử phạt hành chính số tiền 4.000.000 đồng về hành vi qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục nhập cảnh. Bị cáo đã nộp tiền phạt.

- Bị cáo bị bắt trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/12/2020 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Vương Thị V**, Sinh năm: 1985. Tên gọi khác: Không.

ĐKHKT: Thôn KDập, xã H'Neng, huyện Đăk Đoa, tỉnh G

Nơi ở hiện nay: Phòng 902, Tòa nhà 18 tầng, chung cư Quang Minh, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố BG, tỉnh BG

Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 8/12; Con ông: Vương Đức N, sinh năm: 1933 (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1949; Anh, chị em

ruột: có 5, bị cáo là con thứ 4. Chồng: Trương Văn H - sinh năm: 1982 (đã ly hôn). Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2006.

Tiền án: không. Tiền sự: Không

- Bị cáo bị bắt trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/12/2020 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:**

1. Lê Hải Y, sinh năm: 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Long Điền, xã Long H, huyện DT, tỉnh BD

2. Nguyễn Thị H, sinh năm: 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Đồng Lý, thị trấn Thanh Lăng, huyện BX, tỉnh VP

3. Lâm Thị Lệ Q, sinh năm: 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn TC, huyện TC, tỉnh TV

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2019, Nguyễn Thị Minh O, sinh năm 1993, ở số 49, đường Võ Thị Sáu, phường Tân Lập, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk và Vương Thị V, sinh năm 1985, ở thôn KDập, xã H'ngeng, huyện Đắk Đoa, tỉnh G cùng sang Campuchia cấy phôi thai để mang thai hộ cho một số người có quốc tịch Trung Quốc. Tại đây, O và V gặp và quen biết nhau. Thời gian này, O quen Dương Thị Giang, sinh năm 1994, ở tổ dân phố số 3, thị trấn Kép, huyện Lạng Giang, tỉnh BG làm nghề phiên dịch tiếng Trung. Quá trình ở Campuchia cấy phôi, O còn biết thêm 1 người phụ nữ Trung Quốc tên là Amy (không rõ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể). Amy nói với O về việc muốn tìm người Việt Nam mang thai hộ cho một số người quốc tịch Trung Quốc theo phương thức “cây Cam, dưỡng Việt, sinh Trung” nghĩa là cấy phôi thai ở Campuchia, sau đó về Việt Nam dưỡng thai, khi gần đến ngày sinh thì sang Trung Quốc để sinh đẻ và bàn giao con cho người thuê mang thai hộ là người có quốc tịch Trung Quốc. Chi phí Amy trả cho một người mang thai hộ thành công là 11 vạn Nhân dân tệ Trung Quốc, quy đổi thành tiền Việt Nam là 360.000.000 đồng. Số tiền này được chi trả thành nhiều đợt. Cụ thể: Khi cấy phôi xong được thanh toán 24.000.000 đồng, khi có tim thai được thanh toán 24.000.000 đồng, khi thai được 12 tuần được thanh toán 48.000.000 đồng, khi thai 20 tuần được thanh toán 48.000.000 đồng, khi thai 28 tuần được thanh toán 50.000.000 đồng. Tổng cộng là 194.000.000 đồng. Số tiền còn lại 166.000.000 đồng, sau khi sang Trung Quốc sinh xong sẽ được thanh toán hết. Ngoài ra, tiền đi lại và ăn ở, sinh hoạt trong thời gian dưỡng thai sẽ được Amy thanh toán riêng theo từng tháng.

Thấy việc tìm người mang thai hộ cho người có quốc tịch Trung Quốc đem lại L nhuận nên khoảng tháng 6/2020, O đã bàn bạc với V tìm người mang thai hộ để hưởng L thì V đồng ý. O thống nhất với V chi trả 290.000.000 đồng/1 người mang thai hộ, số tiền chênh lệch so với tiền Amy trả là 70.000.000 đồng sẽ được chia đều cho O, V và Giang. Sau đó, O xây dựng bảng tính chi trả tiền cho người mang thai hộ thành 8 giai đoạn, cụ thể:

Giai đoạn 1: Cây phôi thai xong - được hưởng số tiền 7.000.000 đồng.

Giai đoạn 2: Có tim thai - được hưởng số tiền 8.000.000 đồng.

Giai đoạn 3: Thai được 12 tuần - được hưởng số tiền 16.000.000 đồng.

Giai đoạn 4: Thai được 16 tuần - được hưởng số tiền 18.000.000 đồng.

Giai đoạn 5: Thai được 20 tuần - được hưởng số tiền 20.000.000 đồng.

Giai đoạn 6: Thai được 24 tuần - được hưởng số tiền 20.000.000 đồng.

Giai đoạn 7: Thai được 28 tuần - được hưởng số tiền 25.000.000 đồng.

Giai đoạn 8: Thai được 32 tuần - được hưởng số tiền 25.000.000 đồng.

Số tiền còn lại là 151.000.000 đồng, sau khi sang Trung Quốc sinh con xong sẽ được thanh toán hết.

Để tìm người mang thai hộ, O bàn bạc với V truy cập vào các trang mạng xã hội để tìm người mang thai hộ. Sau khi tìm được người, sẽ trao đổi cụ thể về việc mang thai hộ theo phương thức, tiền công như đã thống nhất và hướng dẫn đi khám sức khỏe, làm một số xét nghiệm cần thiết như viêm gan B, HIV... nếu đủ điều kiện O sẽ gửi kết quả khám sức khỏe cho Amy và tổ chức đưa người mang thai hộ đi đến tỉnh An Giang để vượt biên sang Campuchia cấy phôi. Khi sang đến Campuchia, Amy sẽ bố trí người đón và đưa đến bệnh viện để cấy phôi, cấy phôi xong, sẽ ở lại bệnh viện một thời gian để nghỉ ngơi, theo dõi sức khỏe, khi đủ thời gian sẽ được đưa vượt biên trở lại Việt Nam để dưỡng thai, khi sắp đến ngày sinh sẽ được đưa sang Trung Quốc để sinh con. O sẽ trả tiền cho người mang thai hộ theo từng giai đoạn. V có trách nhiệm ở cùng và chăm sóc đời sống sinh hoạt hàng ngày của người mang thai hộ trong thời gian dưỡng thai ở Việt Nam. Theo O khai việc tổ chức cho người mang thai hộ, O có bàn bạc với Giang và được Giang đồng ý, Giang có nhiệm vụ là tìm địa điểm dưỡng thai và phiên dịch tiếng Trung.

Khoảng tháng 6/2020, Vương Thị V sử dụng tài khoản Facebook mang tên “Uyển Đình” truy cập vào mạng xã hội thông qua nhóm “Mang thai hộ và N người mang thai hộ miền Bắc” để đăng tải các thông tin và tìm kiếm người mang thai hộ. Đầu tháng 7/2020, Lê Hải Y, sinh năm 1987, trú tại Ấp Long Điền, xã Long H, huyện DT, tỉnh BD sử dụng tài khoản Facebook mang tên “Pink” nhắn tin và liên lạc với V về việc mang thai hộ. Sau khi được V trao đổi chi tiết về nội dung, phương thức mang thai cũng như số tiền được nhận của việc mang thai hộ là 290.000.000 đồng chia theo từng giai đoạn của phôi thai thì Y nhất trí. V hướng dẫn Y đi kiểm tra sức khỏe rồi gửi kết quả cho V. Sau khi có kết quả khám xét đủ điều kiện, V chuyển kết quả khám của Y cho O để O chuyển cho Amy. Cuối tháng 7/2020, O đặt vé xe khách cho Y đi xuống tỉnh An Giang, sau đó thuê người đưa Y vượt biên trái phép sang Campuchia. Đến nơi, Amy bố trí người đón và đưa Y đến một bệnh viện (không rõ địa chỉ cụ thể) ở Campuchia. Tại đây, Y được đưa đi kiểm tra sức khỏe một lần nữa, rồi được tiến hành cấy phôi. Cấy phôi xong, Y ở lại Campuchia một thời gian để nghỉ ngơi và theo dõi sức khỏe.

Khoảng tháng 09/2020, Nguyễn Thị H, sinh năm 1987, nơi cư trú: tổ dân phố Đồng Lý, thị trấn Thanh Lăng, huyện BX, tỉnh VP sử dụng tài khoản Facebook mang tên “Nguyễn H” nhắn tin vào tài khoản Facebook của V để hỏi về việc mang thai hộ thì được V trao đổi chi tiết về nội dung, phương thức mang thai cũng như số tiền được nhận của việc mang thai hộ thì được H nhất trí. Sau

đó, V cũng hướng dẫn H đi khám sức khỏe. Sau khi đủ điều kiện, V thông báo cho O biết, O gửi kết quả khám sức khỏe của H cho Amy và tổ chức đưa H xuống tỉnh An Giang vượt biên sang Campuchia để cấy phôi. Sau khi cấy phôi xong, H được bố trí ở lại Campuchia một thời gian để nghỉ ngơi và theo dõi sức khỏe. Sau khi Y và H đã cấy phôi đạt kết quả và đủ thời gian cần thiết, được phép về Việt Nam dưỡng thai. Ngày 14/11/2020, Amy đặt vé xe cho Yến từ Campuchia vượt biên qua khu vực biên giới, đến địa phận tỉnh An Giang để trở về Việt Nam. Cùng ngày, H tự thuê người đưa H từ Campuchia vượt biên về Việt Nam. Sau khi về Việt Nam, Y và H thông báo cho V biết và được V đưa đến phòng 902 tòa nhà 18 tầng chung cư Quang Minh, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố BG để dưỡng thai. Vĩnh là người trực tiếp quản lý, trông coi, chăm sóc trong thời gian Yến, H dưỡng thai, chờ gần đến ngày sinh thì đưa sang nước Trung Quốc để sinh con và bàn giao cho người Trung Quốc.

Ngày 25/12/2020, Công an thành phố BG kiểm tra hành chính phòng 902 tòa nhà 18 tầng chung cư Quang Minh, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố BG phát hiện vụ việc và đưa Vương Thị V, Lê Hải Y và Nguyễn Thị H về trụ sở làm việc. Ngày 27/12/2020, Cơ quan điều tra đã giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Vương Thị V. Ngày 30/12/2020, Cơ quan điều tra đã giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Thị Minh O. Cơ quan điều tra cũng đã tạm giữ những đồ vật, tài liệu của O, V, Y, H, cụ thể:

- Tạm giữ của Nguyễn Thị Minh O: 01 giấy xác nhận đối tượng đã cách ly tập trung, 01 quyết định xử phạt vi phạm hành chính, 01 biên lai thu tiền phạt của O, 01 chứng minh thư nhân dân, 01 sổ hộ chiếu, số C7318725, 01 thẻ ATM của ngân hàng Vietcombank số 97040366815238177015, 01 thẻ ATM của ngân hàng Vietcombank, số 4524041833236097, 01 thẻ ATM của ngân hàng TP bank số 9704235559797958 đều mang tên Nguyễn Thị Minh O; 01 phiếu thu tiền, 01 phiếu siêu âm đều mang tên Bùi Thị Kim Nguyên; 01 chiếc sim điện thoại China Unicom, số 8985207195103156158H, chưa qua sử dụng, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XsMax, màu trắng, số IMEI: 3531121030045178, lắp sim số 0935804737 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, màu hồng, số IMEI: 353799082408436, lắp sim số 08540075979 (điện thoại đều đã qua sử dụng).

- Tạm giữ của Vương Thị V: 01 chứng minh thư nhân dân, 01 một giấy phép lái xe hạng A1 số 641084001699 cấp ngày 31/5/2016, 01 sổ hộ chiếu số C4436109, 01 thẻ ATM của ngân hàng Techcombank số 9704079948665728 đều mang tên Vương Thị V; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F11, màu đen, xanh, tím, đã qua sử dụng; số IMEI 1: 863880047255816; số IMEI 2: 863880047255808, điện thoại lắp sim số 0971204831 và sim số 0909761019.

- Tạm giữ của Lê Hải Y: 01 chứng minh thư nhân dân, 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank số 9704366809809282031, 01 sổ hộ chiếu số C9319756 đều mang tên Lê Hải Y; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, màu đen, đã qua sử dụng; số IMEI: 357280094251698, lắp sim số 0937166589.

- Tạm giữ của Nguyễn Thị H: 01 phiếu siêu âm, 01 trích lục hôn nhân của H, 01 chứng minh thư nhân dân, 01 thẻ ATM của ngân hàng Shinhanbank; một thẻ ATM của ngân hàng Techcom bank, 01 sổ hộ chiếu số B9541451 đều mang

tên Nguyễn Thị H; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7Plus, màu hồng, đã qua sử dụng; số seri: FCMSQ3YAHFYC, lắp sim số 0387466965.

Ngày 25/12/2020, Cơ quan điều tra đã trưng cầu Trung tâm pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang giám định tình trạng mang thai của Lê Hải Yến, Nguyễn Thị Hằng.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tình dục của Lê Hải Y số 9782/20/TD ngày 28/12/2020, Trung tâm Pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh BG, kết luận: Hiện tại Lê Hải Yến mang thai 22 tuần 06 ngày.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tình dục Nguyễn Thị H số 9784/20/TD, ngày 28/12/2020, Trung tâm Pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh BG, kết luận: Hiện tại Nguyễn Thị H mang thai 14 tuần 03 ngày.

Quá trình điều tra xác định số tiền các đối tượng đã chi trả bằng hình thức chuyển khoản liên quan đến việc mang thai hộ như sau:

Nguyễn Thị Minh O nhận tiền từ Amy thông qua Lâm Thị Lê Q, sinh năm 1991, HKTT: Khóm I, thị trấn TC, huyện TC, tỉnh TV sinh sống tại thành phố Nam Xương, tỉnh Giang Tây, Trung Quốc làm dịch vụ chuyển tiền từ Trung Quốc về Việt Nam qua số tài khoản 70476338888 của Q mở tại Ngân hàng TMCP Á Châu Việt Nam, chi nhánh TV; Q chuyển tiền đến số tài khoản 19032506758033 của O, mở tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam, chi nhánh BG . Cụ thể:

+ Đối với trường hợp mang thai hộ của Y: O nhận từ Amy tổng số 144.000.000 đồng (tương ứng với thai được 20 tuần). Số tiền này, O đã chuyển vào tài khoản 0071001127954 của Y mở tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- chi nhánh Tân Sơn Nhất tiền công mang thai hộ là 69.000.000 đồng, chi phí đưa Y đi khám sức khỏe là 2.000.000 đồng, chi phí đưa Y từ Việt Nam sang Campuchia cấy phôi là 9.000.000 đồng. Tổng cộng đã chuyển là 64.000.000 đồng, còn 20.000.000 đồng O chưa trả Y. Số tiền chênh lệch còn lại là 44.000.000 đồng.

+ Đối với trường hợp mang thai hộ của H: O đã nhận từ Amy tổng số 96.000.000 đồng (tương ứng với thai được 12 tuần). Số tiền này, O đã chuyển vào tài khoản 700-007-837350 của H mở tại ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam- chi nhánh Thái Nguyên tiền công mang thai hộ là 32.000.000 đồng, chi phí đưa H đi khám sức khỏe là 1.000.000 đồng, chi phí đưa H từ Việt Nam sang Campuchia cấy phôi là 10.400.000 đồng, tổng cộng đã chuyển là 43.400.000 đồng, còn 18.000.000 đồng O chưa trả H. Số tiền chênh lệch còn lại là 34.600.000 đồng.

+ Đối với số tiền chênh lệch do Amy chuyển cho O để trả cho Y và H tổng số là 78.600.000 đồng, O khai đã chia đều cho O, V và Giang, cụ thể: O chuyển vào tài khoản 19036159590017 của V mở tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam- chi nhánh BG và chuyển vào tài khoản 19034382738015 của Giang mở tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam- chi nhánh BG), mỗi người được hưởng L 26.200.000 đồng. Riêng O còn nợ Y 20.0000.000 đồng và nợ H 18.000.000 đồng tiền mang thai hộ nên tổng số tiền thu lời bất chính từ việc mang thai hộ của O là 64.200.000 đồng. Cơ quan điều tra đã tiến hành phong tỏa

các tài khoản ngân hàng trên của Nguyễn Thị Minh O, Vương Thị V, Lê Hải Y và Nguyễn Thị H.

Quá trình điều tra, hành vi của O tổ chức cho Y và H đi đến tỉnh An Giang và thuê người đưa Y và H vượt biên trái phép qua biên giới sang Campuchia có dấu hiệu của tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép”, Cơ quan điều tra đã tách tài liệu có liên quan và chuyển đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh An Giang để giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với hành vi mang thai hộ của Lê Hải Y và Nguyễn Thị H đã vi phạm quy định tại khoản 1, Điều 60, Nghị định số 82/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ nên Cơ quan điều tra đã đề nghị Chủ tịch UBND thành phố BG, tỉnh BG ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính. UBND thành phố BG đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1330/QĐ-XPVPHC ngày 27/5/2021 đối với Nguyễn Thị H, phạt số tiền 7.500.000 đồng, buộc H nộp lại số tiền thu L bất hợp pháp 32.000.000 đồng và ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1331/QĐ-XPVPHC ngày 27/5/2021 đối với Lê Hải Y, phạt số tiền 7.500.000 đồng, buộc Y nộp lại số tiền thu L bất hợp pháp 69.000.000 đồng.

Đối với người phụ nữ Trung Quốc tên Amy có hành vi liên hệ với O để tìm người mang thai hộ cho người Trung Quốc, do không xác định được tên, tuổi, địa chỉ cụ thể nên cơ quan điều tra xác định không có căn cứ để xác minh, giải quyết.

Đối với Lâm Thị Lệ Q có hành vi chuyển tiền cho O. Quá trình điều tra xác định, Q lấy chồng là anh Liao Liang You, sinh năm 1986, quốc tịch Trung Quốc và sinh sống thành phố Nam Xương, tỉnh Giang Tây, Trung Quốc từ năm 2017, đến ngày 12/4/2021 Q về Việt Nam thăm gia đình. Quá trình sinh sống tại Trung Quốc, Q làm dịch vụ chuyển tiền và được nhiều người sinh sống ở Trung Quốc N chuyển tiền cho người Việt Nam, bản thân Q không biết Amy, không biết O, không nhớ có được ai N hay thuê chuyển tiền cho O không và cũng không biết mục đích chuyển tiền để làm gì, nên cơ quan điều tra xác định Q không vi phạm pháp luật.

Đối với Dương Thị Giang, Cơ quan điều tra đã xác minh, nhưng Giang không có mặt tại địa phương, cơ quan điều tra đã tách tài liệu liên quan đến hành vi của Giang để tiếp tục điều tra, xác minh, khi nào có kết quả sẽ xem xét xử lý sau.

Bản cáo trạng số 101/CT-VKS ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Minh O, Vương Thị V về tội “Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại” theo điểm a khoản 2 điều 187 của Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị HĐXX Áp dụng điểm a khoản 2, khoản 3 điều 187, Điểm s khoản 1 điều 51; Điều 38; điều 17, điều 58 Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Minh O từ 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại”. Thời gian chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày 30/12/2020.

Xử phạt bị cáo Vương Thị V từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại”. Thời gian chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày 27/12/2020.

- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị phạt bổ sung bằng tiền mỗi bị cáo từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng sung công quỹ nhà nước.

- Về vật chứng: áp dụng điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS, đề nghị:

+ Trả lại cho Nguyễn Thị Minh O: 01 chứng minh thư nhân dân; 01 sổ hộ chiếu số C7318725; 01 thẻ ATM của ngân hàng Vietcombank số 97040366815238177015; 01 thẻ ATM của ngân hàng Vietcombank số 4524041833236097; 01 thẻ ATM của ngân hàng TPbank số 9704235559797958 đều mang tên Nguyễn Thị Minh O; 01 chiếc sim điện thoại China Unicom, số 8985207195103156158H chưa qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, màu hồng, đã qua sử dụng; số IMEI: 353799082408436, điện thoại lắp sim số 08540075979. Tạm giữ điện thoại để đảm bảo thi hành án.

+ Trả lại cho Vương Thị V: 01 chứng minh thư nhân dân, 01 một giấy phép lái xe hạng A1 số 641084001699 cấp ngày 31/5/2016, 01 sổ hộ chiếu số C4436109, 01 thẻ ATM của ngân hàng Techcombank số 9704079948665728 đều mang tên Vương Thị V

+ Trả cho Lê Hải Y: 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank số 9704366809809282031, 01 sổ hộ chiếu số C9319756 đều mang tên Lê Hải Y

+ Trả cho Nguyễn Thị H 01 thẻ ATM của ngân hàng Shinhanbank, 01 thẻ ATM của ngân hàng Techcom bank, 01 sổ hộ chiếu số B9541451 đều mang tên Nguyễn Thị H.

+ Tịch thu sung công các tài sản được O, V, Y, H sử dụng làm công cụ, phương tiện gọi điện, nhắn tin, Zalo trao đổi thực hiện hành vi phạm tội: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, màu trắng, đã qua sử dụng; số IMEI: 3531121030045178, lắp sim số 0935804737 của Nguyễn Thị Minh O; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F11, màu đen, xanh, tím, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 863880047255816, số IMEI 2: 863880047255808, điện thoại lắp sim số 0971204831 và sim số 0909761019 của Vương Thị V; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, màu đen, đã qua sử dụng số IMEI: 357280094251698, điện thoại lắp sim số 0937166589 là tài sản của Lê Hải Y; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7Plus, màu hồng, đã qua sử dụng; số seri: FCMSQ3YAHFYC, lắp sim số 0387466965 của Nguyễn Thị H.

+ Buộc truy thu số tiền các bị cáo hưởng L bất chính, cụ thể Nguyễn Thị Minh O phải nộp lại số tiền 64.200.000 đồng, Vương Thị V nộp lại số tiền 26.200.000 đồng.

Đối với số tiền thu L bất chính của chị Lê Hải Y, Nguyễn Thị H, do UBND thành phố BG đã xử lý trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Y và H nên không đặt ra giải quyết.

Đề nghị tiếp tục thực hiện phong tỏa các tài khoản của Nguyễn Thị Minh O, Vương Thị V, Lê Hải Y, Nguyễn Thị H theo lệnh phong tỏa của cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố BG để đảm bảo nghĩa vụ của các bị cáo,

người có quyền, nghĩa vụ liên quan theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Ngoài ra kiểm sát viên đề nghị về án phí hình sự và quyền kháng cáo của các bị cáo, người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tại phiên tòa, bị cáo O, bị cáo V đã thừa nhận và khai nhận rõ về hành vi phạm tội của bản thân như cáo trạng đã nêu, đều nhận thức hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật. Các bị cáo không tranh luận, không bào chữa gì, xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt để cải tạo sớm trở về với gia đình.

Những người có quyền L, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố BG, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì, do đó HĐXX đánh giá hành vi, quyết định của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Lời khai của các bị cáo Nguyễn Thị Minh O, Vương Thị V tại phiên tòa đều thừa nhận đã tổ chức cho Lê Hải Y, Nguyễn Thị H mang thai hộ cho các đối tượng người Trung Quốc, các bị cáo và người mang thai hộ có được hưởng L. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền L, nghĩa vụ liên quan là Lê Hải Y, Nguyễn Thị H về cách thức, phương thức thực hiện hành vi phạm tội, quá trình, diễn biến sự việc đã thực hiện, số tiền các bên trao đổi, hưởng L. Lời khai của các bị cáo còn được chứng minh bởi các chứng cứ khác cơ quan điều tra đã thu được trong quá trình điều tra như sao kê tài khoản tại ngân hàng, sao kê liên lạc, tin nhắn giữa các bị cáo, kết luận giám định pháp y về tình dục của chị Lê Hải Y, chị Nguyễn Thị H.

Có đủ cơ sở để kết luận: Năm 2019, Nguyễn Thị Minh O đã được một đối tượng tên Amy, người Trung Quốc đề nghị tìm người mang thai hộ cho người Trung Quốc, sẽ trả tiền công mang thai cho mỗi trường hợp là 11 vạn nhân dân tệ, quy đổi tiền Việt Nam là 360.000.000 đồng. Tháng 6 năm 2020, O đã liên lạc và bàn bạc với Vương Thị V việc cùng tìm người mang thai hộ cho người Trung Quốc theo hình thức, cách thức “Cấy cam, dưỡng Việt, sinh Trung” tức là cấy phôi thai tại Campuchia, dưỡng thai tại Việt Nam, sinh con tại Trung Quốc và được V đồng ý. O và V cũng thống nhất tính tiền công chi trả cho người mang thai hộ là 290.000.000 đồng và chi trả nhiều lần theo từng giai đoạn của thai kỳ kể từ khi cấy phôi thành công cho đến lúc sinh con xong. Số tiền chênh lệch giữa đối tượng Amy chi trả so với O, V chi trả cho người mang thai hộ là

70.000.000 đồng thì được O, V và đối tượng tên Giang hưởng và chia đều cho nhau. Sau khi bàn bạc, thống nhất với nhau, thông qua mạng xã hội Facebook, Vương Thị V đã sử dụng tài khoản mang tên Uyên Đình để tìm kiếm người mang thai hộ. Tháng 7 năm 2020, V kết nối được với Lê Hải Y, tháng 9 năm 2020, V kết nối được với Nguyễn Thị H và được hai đối tượng này đồng ý mang thai hộ theo cách thức và giá tiền O, V đưa ra. Sau đó, O và V đã tổ chức cho Lê Hải Y và Nguyễn Thị H vượt biên sang Campuchia để cấy phôi, mang thai hộ cho người thuê là người có quốc tịch Trung Quốc. Sau khi Y, H mang thai đã ở Campuchia một thời gian để theo dõi, tháng 11 năm 2020 đã được O, V đưa đến thành phố BG thuê nhà ở để dưỡng thai, chờ ngày sinh. Căn cứ vào kỳ mang thai, chị Y đã được O trả tiền công mang thai hộ là 69.000.000 (sáu mươi chín triệu) đồng, chị H đã được O trả tiền công mang thai hộ là 32.000.000 (ba mươi hai triệu) đồng. Số tiền thu L của các bị cáo từ việc tổ chức mang thai hộ là Nguyễn Thị Minh O được hưởng 26.200.000 đồng và còn giữ tiền công mang thai của chị Y là 20.000.000 đồng, của chị H là 18.000.000 đồng, tổng bằng 64.200.000 đồng, Vương Thị V hưởng L là 26.200.000 đồng.

Các bị cáo Nguyễn Thị Minh O, Vương Thị V đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã nhận thức rõ đây là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm, song vì L nhuận vẫn bất chấp pháp luật, tổ chức cho hai đối tượng Y và H, mang thai hộ người khác để hưởng L bất chính. Hành vi của các bị cáo đã xâm hại đến chế độ quản lý nhà nước về sinh sản bằng phương pháp kỹ thuật và tính nhân đạo của hành vi mang thai hộ trong trường hợp vợ chồng gặp khó khăn về vấn đề sinh sản, đã vi phạm điều cấm được quy định tại điểm g khoản 2 điều 5 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xâm phạm đến thuần phong, mỹ tục, đạo đức và trật tự an toàn xã hội. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức người mang thai hộ vì mục đích thương mại”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 điều 187 của Bộ Luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017. Bản cáo trạng số 101/CT-VKS ngày 31/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG, tỉnh BG đã truy tố các bị cáo theo tội danh, điều luật trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về vai trò, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về vai trò: Đây là vụ án đồng phạm có tổ chức, các bị cáo đã có sự phân công nhiệm vụ, vai trò rõ ràng. Trong đó, bị cáo O là người chủ động liên lạc với người có nhu cầu tìm người mang thai hộ, tính toán, phân chia bảng giá tiền công mang thai hộ, nhận tiền và chuyển tiền cho V, cho người mang thai hộ, được hưởng L ích vật chất, nên bị cáo có vai trò thứ nhất. Bị cáo V là người trực tiếp tìm kiếm người mang thai hộ, chăm sóc người mang thai hộ trong thời kỳ dưỡng thai tại Việt Nam, được hưởng L ích vật chất từ việc làm trên, nên bị cáo có vai trò thứ hai, đứng sau O.

Về nhân thân, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo O không có tiền án, có một tiền sự về hành vi qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục nhập cảnh, bị cáo V không có tiền án, tiền sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điều 52 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên được áp dụng điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự.

Đánh giá hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo O và bị cáo V, HĐXX xét thấy hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp phạm tội nghiêm trọng nên phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội đã thực hiện, buộc các bị cáo phải cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân sống có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời cũng để răn đe, ngăn ngừa các hành vi, tội phạm tương tự xảy ra trong xã hội hiện nay. HĐXX xét mức hình phạt kiểm sát viên đề xuất là phù hợp với mỗi bị cáo nên chấp nhận.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội vì mục đích L nhuận, do đó căn cứ khoản 3 điều 187 BLHS cần xử phạt tiền đối với mỗi bị cáo, cụ thể xử phạt bị cáo O theo mức 20.000.000 đồng, bị cáo V theo mức 15.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

[5]. Đối với số tiền thu L bất chính của Nguyễn Thị Kim O, Vương Thị V, kết quả điều tra chứng minh số tiền bị cáo O, V được hưởng L từ việc lấy chênh lệch tiền công từ Amy trả cho người mang thai hộ, mỗi bị cáo được chia là 26.200.000 đồng cần truy thu sung công quỹ nhà nước. Riêng bị cáo O còn giữ số tiền của chị H được trả theo đợt theo thỏa thuận là 18.000.000 đồng và của chị Y được trả theo đợt theo thỏa thuận là 20.000.000 đồng, đây là tiền thu L bất chính nên cần truy thu của O để sung công quỹ nhà nước.

[6]. Đối với số tiền công chị Nguyễn Thị H, chị Lê Hải Y đã được O trả là tiền thu L bất chính, do chị Y, chị H đã bị UBND thành phố BG ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính và truy thu tiền thu L bất chính nên HĐXX không xem xét trong vụ án.

[7]. Về vật chứng: căn cứ điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với các tài sản đã thu của bị cáo O gồm: 01 chứng minh thư nhân dân, 01 sổ hộ chiếu, số C7318725, 01 thẻ ATM của ngân hàng Vietcombank số 97040366815238177015, 01 thẻ ATM của ngân hàng Vietcombank, số 4524041833236097, 01 thẻ ATM của ngân hàng TP bank số 9704235559797958 đều mang tên Nguyễn Thị Minh O, 01 chiếc sim điện thoại China Unicom, số 8985207195103156158H, chưa qua sử dụng, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, màu hồng, đã qua sử dụng; số IMEI: 353799082408436; điện thoại lắp sim số 08540075979, đây là tài sản của O, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho O. Tạm giữ điện thoại trên của O để đảm bảo thi hành án.

Đối với các tài sản thu giữ của bị cáo V gồm: 01 chứng minh thư nhân dân, 01 một giấy phép lái xe hạng A1 số 641084001699 cấp ngày 31/5/2016, 01 sổ hộ chiếu số C4436109, 01 thẻ ATM của ngân hàng Techcombank số 9704079948665728 đều mang tên Vương Thị V là tài sản của V, không liên quan đến hành vi phạm tội, trả lại cho bị cáo V.

Đối với 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank số 9704366809809282031, 01 sổ hộ chiếu số C9319756 đều mang tên Lê Hải Y, không liên quan đến hành vi phạm tội, trả lại cho chị Y.

Đối với 01 thẻ ATM của ngân hàng Shinhanbank; một thẻ ATM của ngân hàng Techcom bank, 01 sổ hộ chiếu số B9541451 đều mang tên Nguyễn Thị H, không liên quan đến hành vi phạm tội, trả lại cho chị H.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, màu trắng, đã qua sử dụng; số IMEI: 3531121030045178, lắp sim số 0935804737 đã thu của O, là điện thoại O sử dụng liên lạc với V và các đối tượng để tổ chức mang thai hộ, tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F11, màu đen, xanh, tím, đã qua sử dụng; số IMEI 1: 863880047255816; số IMEI 2: 863880047255808, điện thoại lắp sim số 0971204831 và sim số 0909761019 thu giữ của V, đây là điện thoại bị cáo V sử dụng liên lạc với O, với chị H, chị Y về việc tổ chức mang thai hộ, tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, màu đen, đã qua sử dụng; số IMEI: 357280094251698; điện thoại lắp sim số 0937166589 thu giữ của chị Lê Hải Y là điện thoại chị Y sử dụng liên lạc với V về việc tổ chức mang thai hộ, tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7Plus, màu hồng, đã qua sử dụng; số seri: FCMSQ3YAHFYC, lắp sim số 0387466965 thu giữ của chị Nguyễn Thị H là điện thoại chị H sử dụng liên lạc với Vinh về việc tổ chức mang thai hộ, tịch thu sung công quỹ nhà nước.

[8]. Đối với hành vi của Nguyễn Thị Minh O tổ chức cho Lê Hải Y và Nguyễn Thị H đi đến tỉnh An Giang và thuê người đưa Y và H vượt biên trái phép qua biên giới sang Campuchia có dấu hiệu của tội Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép, Cơ quan điều tra công an thành phố BG đã tách tài liệu có liên quan và chuyển đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh An Giang để giải quyết theo thẩm quyền, HĐXX xét thấy là đúng pháp luật.

[9]. Đối với hành vi mang thai hộ của Lê Hải Y và Nguyễn Thị H đã vi phạm quy định tại khoản 1, Điều 60, Nghị định số 82/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ. UBND thành phố BG đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1330/QĐ-XPVPHC ngày 27/5/2021 đối với Nguyễn Thị H, phạt số tiền 7.500.000 đồng, buộc H nộp lại số tiền thu L bất hợp pháp 32.000.000 đồng và ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1331/QĐ-XPVPHC ngày 27/5/2021 đối với Lê Hải Y, phạt số tiền 7.500.000 đồng, buộc Y nộp lại số tiền thu L bất hợp pháp 69.000.000 đồng, HĐXX xét thấy là đúng pháp luật và không xem xét về việc truy thu tiền thu L bất hợp pháp của chị Y, chị H nữa.

[10]. Đối với người phụ nữ Trung Quốc tên Amy có hành vi liên hệ với O để tìm người mang thai hộ cho người Trung Quốc, do không xác định được tên, tuổi, địa chỉ cụ thể nên cơ quan điều tra xác định không có căn cứ để xác minh, giải quyết, HĐXX xét thấy là đúng pháp luật.

[11]. Đối với chị Lâm Thị Lệ Q đã chuyển tiền cho O trong thời gian từ tháng 6 đến tháng 12 năm 2020. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định Q lấy

chồng, sinh sống tại Trung Quốc, khi này Q làm dịch vụ chuyển tiền và được nhiều người sinh sống ở Trung Quốc N chuyển tiền cho người Việt Nam, bản thân Q không biết Amy, không biết O, không nhớ có được ai N hay thuê chuyển tiền cho O và cũng không biết mục đích chuyển tiền để làm gì, nên cơ quan điều tra xác định không có chứng cứ chứng minh Q vi phạm pháp luật, nên không có căn xử lý, HĐXX xét thấy là đúng.

[12]. Đối với đối tượng Dương Thị Giang, sinh năm 1994 ở Khu 3, thị trấn Kép, huyện Lạng Giang, tỉnh BG, bị cáo O, V khai Giang có tham gia vào việc cùng O, V tổ chức mang thai hộ, có được chia tiền thu L, quá trình điều tra cơ quan điều tra đã nhiều lần xác minh, nhưng Giang không có mặt tại địa phương, cơ quan điều tra đã tách tài liệu liên quan đến hành vi của Giang để tiếp tục điều tra, xác minh, khi nào có kết quả sẽ xem xét xử lý sau. Do đó không xem xét trong vụ án này. HĐXX kiến nghị cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh, xem xét về hành vi của Dương Thị Giang để xử lý đúng pháp luật.

[13]. Để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với khoản truy thu tiền thu L bất chính, án phí, tiền phạt của các bị cáo Nguyễn Thị Minh O, Vương Thị V và người có quyền L, nghĩa vụ liên quan Lê Hải Y, Nguyễn Thị H:

- Tiếp tục thực hiện phong tỏa tài khoản số 19036159590017 của Vương Thị V tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam, chi nhánh BG theo Lệnh phong tỏa số 01 ngày 08/01/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố BG để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án theo bản án đối với bị cáo Vương Thị V.

- Tiếp tục thực hiện phong tỏa tài khoản số 19032506758033 của Nguyễn Thị Minh O tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam, chi nhánh BG theo Lệnh phong tỏa số 02 ngày 08/01/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố BG để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án theo bản án đối với bị cáo Nguyễn Thị Minh O.

- Tiếp tục thực hiện phong tỏa tài khoản số 700-007-837350 của chị Nguyễn Thị H tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên theo Lệnh phong tỏa số 03 ngày 13/01/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố BG để đảm bảo nghĩa vụ thi hành quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với Nguyễn Thị H.

- Tiếp tục thực hiện phong tỏa tài khoản số 0071001127954 của chị Lê Hải Y tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Lệnh phong tỏa số 04 ngày 19/01/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố BG để đảm bảo nghĩa vụ thi hành quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với Lê Hải Y.

[14]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[15]. Bị cáo, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 2, khoản 3 điều 187; Điểm s khoản 1 điều 51; Điều 38; điều 17, điều 58; Điều 47 của Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ

sung năm 2017; Điều 106; điều 135, điều 136, điều 331, điều 332, điều 333, điều 336, điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 3, điều 21; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Minh O 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 30/12/2020.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị Minh O 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng sung công quỹ nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Vương Thị V 02 (hai) năm tù về tội “Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 27/12/2020.

Phạt bổ sung bị cáo Vương Thị V 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng sung công quỹ nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng:

- Buộc truy thu số tiền Nguyễn Thị Minh O thu L bất chính là 64.200.000 đồng, số tiền Vương Thị V thu L bất chính là 26.200.000 đồng

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước các tài sản là công cụ, phương tiện phạm tội gồm:

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, màu trắng, đã qua sử dụng; số IMEI: 3531121030045178, lắp sim số 0935804737 đã thu của Nguyễn Thị Minh O.

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F11, màu đen, xanh, tím, đã qua sử dụng; số IMEI 1: 863880047255816; số IMEI 2: 863880047255808, điện thoại lắp sim số 0971204831 và sim số 0909761019 đã thu của Vương Thị V.

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, màu đen, đã qua sử dụng; số IMEI: 357280094251698; điện thoại lắp sim số 0937166589 đã thu của chị Lê Hải Y.

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7Plus, màu hồng, đã qua sử dụng; số seri: FCMSQ3YAHFYC, lắp sim số 0387466965 đã thu của chị Nguyễn Thị H.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Minh O các tài sản gồm: 01 chứng minh thư nhân dân, 01 sổ hộ chiếu, số C7318725, 01 thẻ ATM của ngân hàng Vietcombank số 97040366815238177015, 01 thẻ ATM của ngân hàng Vietcombank, số 4524041833236097, 01 thẻ ATM của ngân hàng TP bank số 9704235559797958 đều mang tên Nguyễn Thị Minh O, 01 chiếc sim điện thoại China Unicom, số 8985207195103156158H, chưa qua sử dụng, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, màu hồng, đã qua sử dụng; số IMEI: 353799082408436; điện thoại lắp sim số 08540075979. Tạm giữ điện thoại trên của O để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Vương Thị V các tài sản gồm: 01 chứng minh thư nhân dân, 01 một giấy phép lái xe hạng A1 số 641084001699 cấp ngày 31/5/2016, 01 sổ hộ chiếu số C4436109, 01 thẻ ATM của ngân hàng Techcombank số 9704079948665728 đều mang tên Vương Thị V.

- Trả lại cho chị Lê Hải Y các tài sản gồm: 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank số 9704366809809282031, 01 sổ hộ chiếu số C9319756 đều mang tên Lê Hải Y.

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị H các tài sản gồm: 01 thẻ ATM của ngân hàng Shinhanbank; một thẻ ATM của ngân hàng Techcom bank, 01 sổ hộ chiếu số B9541451 đều mang tên Nguyễn Thị H.

- Tiếp tục thực hiện phong tỏa tài khoản số 19036159590017 của Vương Thị V tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam, chi nhánh BG theo Lệnh phong tỏa số 01 ngày 08/01/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố BG để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án theo bản án đối với bị cáo Vương Thị V.

- Tiếp tục thực hiện phong tỏa tài khoản số 19032506758033 của Nguyễn Thị Minh O tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam, chi nhánh BG theo Lệnh phong tỏa số 02 ngày 08/01/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố BG để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án theo bản án đối với bị cáo Nguyễn Thị Minh O.

- Tiếp tục thực hiện phong tỏa tài khoản số 700-007-837350 của chị Nguyễn Thị H tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên theo Lệnh phong tỏa số 03 ngày 13/01/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố BG để đảm bảo nghĩa vụ thi hành quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với Nguyễn Thị H.

- Tiếp tục thực hiện phong tỏa tài khoản số 0071001127954 của chị Lê Hải Y tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Sơn Nhất theo Lệnh phong tỏa số 04 ngày 19/01/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố BG để đảm bảo nghĩa vụ thi hành quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với Lê Hải Y.

4. Án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Minh O, Vương Thị V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền L, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Sở tư pháp tỉnh BG
- TAND, VKSND Tỉnh BG
- VKSND TP BG
- THADS TP BG
- Công an TP BG

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

-Những người TGTT;
- Lưu.

Nguyễn Thị H

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Sở tư pháp tỉnh BG
- TAND, VKSND Tỉnh BG
- VKSND TP BG
- THADS TP BG
- Công an TP BG
- Những người TGTT;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị H

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

-VKSND TP BG

-TAND, VKSND Tỉnh BG

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

- THADS TP BG
- Công an TP BG
- Những người TGTT;
- Lưu.

Nguyễn Thị H

